

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bán án số: 72/2019/HNGĐ - ST

Ngày 23/8/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt

Bà Mai Thị Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 531/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966

Địa chỉ: 647/45, khóm Bình Đức 3, phường Bình Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thùy L, sinh năm 1970

Địa chỉ: 44A, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị T, sinh năm 1965; nơi cư trú: 104/6 đường Phan Bội Châu, phường Bình K, thành phố Long Xuyên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L do quen biết, tìm hiểu nhau trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Đ, thành phố Long Xuyên vào ngày 09/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên mâu thuẫn gia đình kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2015 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu ly hôn với bà L.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Trương Thùy L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày ngày 20/9/2018 bà L trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân của vợ chồng. Nay qua yêu cầu ly hôn của ông H thì bà đồng ý ly hôn, vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian vợ chồng sống chung thì bà có vay dùm cho ông H số tiền 80.000.000đ của bà Dương Thị T để đáo hạn nợ ngân hàng. Sau đó ông H trả được 15.000.000đ và nợ lại 65.000.000đ, nếu bà T có khởi kiện thì ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà có gửi bản tự khai ngày 26/12/2018, trình bày như sau:

Trước đây do quen biết nên bà có cho bà L vay 80.000.000đ, bà L có trả được 15.000.000đ và còn nợ lại 65.000.000đ. Số tiền này bà L là người trực tiếp nhận tiền, bà L nói rằng số tiền này vợ chồng bà vay để đáo hạn nợ

ngân hàng. Đối với số nợ này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn giữa ông H với bà L mà bà sẽ khởi kiện ông H, bà L bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với bà L. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Về phần nợ mà bà L trình bày là không đúng, vì ông không quen biết bà T và cũng không có vay mượn nợ gì của bà T hết.

* Bị đơn bà Trương Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T vắng mặt trong tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông H và bà L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà Trương Thùy L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Bình Đ, thành phố Long Xuyên nên ông H khởi kiện xin ly hôn với bà L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng bà L, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thùy L, bà Dương Thị T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H với bà Trương Thùy L là hôn nhân tự nguyện và ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đ, thành phố Long Xuyên vào ngày 09/3/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp và phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, ông H cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L. Đối với bà L tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên hòa giải ngày 20/9/2018

thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông H như yêu cầu của ông H, vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy vợ chồng ông bà đã có thời gian sống ly thân nhưng cả hai chỉ lo cuộc sống cá nhân mà không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn và tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 cả hai đều đồng ý ly hôn, do đó việc ông H, bà L đồng ý ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Bà L cho rằng còn nợ của bà Dương Thị T số tiền 65.000.000đ đây là số tiền bà vay dùm cho ông H đáo hạn ngân hàng nếu bà T đòi thì ông H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Ông H cho rằng ông không có mượn nợ của bà T đó là việc vay mượn giữa bà T với bà L ông không biết. Đối với việc vay mượn nợ của ông H, bà L thì bà Dương Thị T thừa nhận bà có cho bà L vay 80.000.000đ, trả được 15.000.000đ và còn nợ lại 65.000.000đ bà L là người trực tiếp nhận tiền. Việc vay mượn này bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn giữa ông H với bà L mà bà sẽ khởi kiện ông H, bà L bằng vụ án khác. Do bà bà T không có yêu cầu nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H với bà Trương Thùy L.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0008884 ngày 18/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trương Thùy L, bà Dương Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền